

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-32

1001
CỔ
ĐÁCH
HÀNG
/

030
CỔ
CỔ
N V
M
TÂN PH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch
Bà Phan Đỗ Hạnh	Ủy viên
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Vũ	Giám đốc sản xuất

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Đình Thái	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Số: 120821.023/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÀNG KIỂM TOÁN
AASC**

[Handwritten signature]

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		226.042.297.668	319.600.037.322
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.852.484.027	54.845.957.638
111	1. Tiền		5.852.484.027	54.845.957.638
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.200.000.000	71.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.200.000.000	71.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		75.690.056.955	81.592.706.063
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	73.461.371.496	79.590.241.184
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.799.196.001	189.128.873
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	405.132.700	1.811.856.198
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		24.356.758	1.479.808
140	IV. Hàng tồn kho	8	105.138.270.040	110.924.512.738
141	1. Hàng tồn kho		105.280.818.735	111.088.279.421
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(142.548.695)	(163.766.683)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.161.486.646	1.236.860.883
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.077.613.233	1.236.860.883
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	83.873.413	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		94.851.160.927	53.543.820.247
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.250.000	5.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.250.000	5.250.000
220	II. Tài sản cố định		42.498.795.541	49.418.106.515
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	42.498.795.541	49.418.106.515
222	- Nguyên giá		349.050.873.389	349.165.155.208
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(306.552.077.848)	(299.747.048.693)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	48.983.600.000	1.533.318.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		48.983.600.000	1.972.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(438.682.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.363.515.386	2.587.145.732
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.363.515.386	2.587.145.732
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		320.893.458.595	373.143.857.569

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		95.789.018.317	158.730.329.229
310	I. Nợ ngắn hạn		95.789.018.317	158.730.329.229
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	22.929.843.674	28.179.333.732
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		86.995.118	55.482.150
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.013.569.259	4.924.639.580
314	4. Phải trả người lao động		9.131.171.496	10.978.730.600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	723.903.819	1.160.526.117
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	12.365.129.849	10.677.033.051
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	46.240.068.542	102.162.370.439
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		298.336.560	592.213.560
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		225.104.440.278	214.413.528.340
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	225.104.440.278	214.413.528.340
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.713.370.000	150.713.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.713.370.000	150.713.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.557.011.449	15.557.011.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.301.633.961	28.301.633.961
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.849.548.868	20.158.636.930
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.158.636.930	861.474.081
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		10.690.911.938	19.297.162.849
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		320.893.458.595	373.143.857.569

(Handwritten signatures in blue ink)



Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	185.236.911.381	491.916.003.809
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	78.616.066	1.251.411.270
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		185.158.295.315	490.664.592.539
11	4. Giá vốn hàng bán	20	156.574.964.723	472.747.914.630
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.583.330.592	17.916.677.909
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.871.006.858	6.967.396.639
22	7. Chi phí tài chính	22	2.193.044.548	8.193.776.821
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.631.024.081	7.224.498.926
25	8. Chi phí bán hàng	23	7.186.816.380	5.747.389.832
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	8.433.986.230	11.708.269.157
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.640.490.292	(765.361.262)
31	11. Thu nhập khác	25	1.017.389.157	12.671.137.028
32	12. Chi phí khác	26	294.239.527	1.287.916.948
40	13. Lợi nhuận khác		723.149.630	11.383.220.080
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.363.639.922	10.617.858.818
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.672.727.984	2.123.571.764
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.690.911.938	8.494.287.054
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	710	564

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lậpNguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởngTrương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.363.639.922	10.617.858.818
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		7.316.847.337	8.065.289.374
03	- Các khoản dự phòng		(459.899.988)	819.991.800
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(10.664.208)	65.064.276
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.913.977.187)	(2.959.422.904)
06	- Chi phí lãi vay		2.631.024.081	7.224.498.926
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.926.969.957	23.833.280.290
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.331.666.078	14.463.232.461
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		5.807.460.686	(19.742.637.707)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.453.847.626)	1.591.315.470
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(617.122.004)	1.094.627.196
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.687.820.744)	(7.211.226.187)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.876.551.502)	(285.032.539)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(293.877.000)	(899.830.504)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.136.877.845	12.843.728.480
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(397.536.363)	(458.347.619)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		109.090.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	40.000.000.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		48.800.000.000	(76.000.000.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(47.011.600.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.291.995.895	1.703.946.168
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.791.950.441	(34.754.401.451)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		46.240.068.542	412.674.902.054
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(102.162.370.439)	(377.881.868.487)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(12.030.868.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(55.922.301.897)	22.762.164.767

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(32.993.473.611)	851.491.796
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.845.957.638	44.691.062.213
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(3.387.453)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>21.852.484.027</u>	<u>45.539.166.556</u>



Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.713.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 150.713.370.000 đồng; tương đương 15.071.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 315 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 268 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.
- Kinh doanh thương mại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty dùng mảng kinh doanh thương mại nông sản, nguyên liệu đầu vào thức ăn chăn nuôi; doanh thu và giá vốn bán hàng tương ứng của mảng kinh doanh này cùng kỳ năm ngoái lần lượt là 363,7 tỷ đồng và 362,5 tỷ đồng. Do đó, quy mô doanh thu và giá vốn của Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.852.484.027	54.845.957.638
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	-
	21.852.484.027	54.845.957.638

Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 16.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 4,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.200.000.000	-	71.000.000.000	-
	<u>22.200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>71.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30/06/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi tại các NHTM Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội có thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 4,0% đến 6%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	48.983.600.000	3.219.967.800	-	1.972.000.000	1.533.318.000	(438.682.000)
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả (VGP)	1.972.000.000	3.219.967.800	-	1.972.000.000	1.533.318.000	(438.682.000)
- Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà (*)	12.586.600.000	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ (*)	34.425.000.000	-	-	-	-	-
	<u>48.983.600.000</u>	<u>3.219.967.800</u>	<u>-</u>	<u>1.972.000.000</u>	<u>1.533.318.000</u>	<u>(438.682.000)</u>

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại ngày đầu và cuối năm được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch HNX tại ngày 31/12/2020 và ngày 30/06/2021.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	Tp. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi
- Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà (*)	Tỉnh Bắc Ninh	5,86%	5,86%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ (*)	Thành phố Hà Nội	3,62%	3,62%	Xuất nhập khẩu, thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(*) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

- Giao dịch mua 535.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà từ nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 5.356.000.000 đồng, giá phí 12.586.600.000 đồng.
- Giao dịch mua 1.350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ từ nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 13.500.000.000 đồng, giá phí 34.425.000.000 đồng.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long	10.565.558.157	-	10.479.192.416	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang	14.847.735.496	-	4.515.510.384	-
- Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	6.919.483.275	-	4.817.138.917	-
- Công ty TNHH Đồ hộp Blue Sea	4.999.879.964	-	3.321.893.184	-
- Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare	4.225.381.007	-	3.453.633.589	-
- Phải thu khách hàng khác	31.903.333.597	-	53.002.872.694	-
	73.461.371.496	-	79.590.241.184	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Shin I Machinery Works Co.ltd	1.537.473.600	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh HCM	170.039.599	-	31.828.293	-
- Trả trước cho người bán khác	91.682.802	-	157.300.580	-
	1.799.196.001	-	189.128.873	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.219.177	-	1.519.328.794	-
Tạm ứng	75.500.000	-	35.750.000	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	282.413.523	-	241.777.404	-
	405.132.700	-	1.811.856.198	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.250.000	-	5.250.000	-
	5.250.000	-	5.250.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.729.535.305	-	2.988.379.350	-
Nguyên liệu, vật liệu	86.814.961.834	-	93.703.889.497	-
Công cụ, dụng cụ	1.116.746.040	-	1.242.199.490	-
Thành phẩm	14.619.575.556	(142.548.695)	13.153.811.084	(163.766.683)
	105.280.818.735	(142.548.695)	111.088.279.421	(163.766.683)



57
G
+
B
C
P

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.261.980.186	331.438.815.807	6.373.714.427	823.213.045	267.431.743	349.165.155.208
- Mua trong kỳ	-	92.536.363	305.000.000	-	-	397.536.363
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(511.818.182)	-	-	(511.818.182)
Số dư cuối kỳ	10.261.980.186	331.531.352.170	6.166.896.245	823.213.045	267.431.743	349.050.873.389
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.743.192.090	284.422.568.024	4.709.470.235	604.386.601	267.431.743	299.747.048.693
- Khấu hao trong kỳ	48.084.180	6.986.627.983	246.581.754	35.553.420	-	7.316.847.337
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(511.818.182)	-	-	(511.818.182)
Số dư cuối kỳ	9.791.276.270	291.409.196.007	4.444.233.807	639.940.021	267.431.743	306.552.077.848
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	518.788.096	47.016.247.783	1.664.244.192	218.826.444	-	49.418.106.515
Tại ngày cuối kỳ	470.703.916	40.122.156.163	1.722.662.438	183.273.024	-	42.498.795.541

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 40.599.776.943 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 205.160.593.164 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	434.821.469	310.347.706
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	4.791.669	10.541.667
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	282.518.653	583.069.449
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	355.481.442	332.902.061
	<u>1.077.613.233</u>	<u>1.236.860.883</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	2.814.023.013	1.449.470.031
Chi phí trả trước dài hạn khác	549.492.373	1.137.675.701
	<u>3.363.515.386</u>	<u>2.587.145.732</u>

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	VND
- Dongwon Systems Corp	7.049.750.400	7.049.750.400	9.021.257.850	9.021.257.850
- Công Ty TNHH Edson International	2.985.004.352	2.985.004.352	1.504.570.604	1.504.570.604
- Henkel Singapore Pte.ltd	2.785.696.432	2.785.696.432	5.771.814.756	5.771.814.756
- Nippon Steel Trading Corporation	2.287.960.749	2.287.960.749	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	7.821.431.741	7.821.431.741	11.881.690.522	11.881.690.522
	<u>22.929.843.674</u>	<u>22.929.843.674</u>	<u>28.179.333.732</u>	<u>28.179.333.732</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	945.104.659	11.537.182.705	11.281.246.145	-	1.201.041.219
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	369.026.939	452.900.352	83.873.413	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.876.551.502	2.672.727.984	3.876.551.502	-	2.672.727.984
Thuế Thu nhập cá nhân	-	102.983.419	337.105.146	300.288.509	-	139.800.056
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3.140.098.416	3.140.098.416	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	4.924.639.580	18.059.141.190	19.054.084.924	83.873.413	4.013.569.259

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	41.619.807	98.416.470
- Chi phí hoa hồng bán hàng	682.284.012	1.062.109.647
	723.903.819	1.160.526.117

14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	168.515.895	-
- Kinh phí công đoàn	503.215.045	278.543.090
- Bảo hiểm xã hội	522.533.306	-
- Bảo hiểm y tế	97.502.714	10.184.214
- Bảo hiểm thất nghiệp	32.496.846	2.676.443
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.661.393.548	9.898.310.748
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	208.513.647	208.513.647
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	170.958.848	278.804.909
	12.365.129.849	10.677.033.051

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	102.162.370.439	102.162.370.439	46.240.068.542	102.162.370.439	46.240.068.542	46.240.068.542
	102.162.370.439	102.162.370.439	46.240.068.542	102.162.370.439	46.240.068.542	46.240.068.542

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/94178/HĐTD ngày 24/06/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: 6,2% - 6,8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 46.240.068.542 đồng;
- + Khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng tài sản kèm theo các hợp đồng tài sản đảm bảo và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	987.553.431	195.242.444.841
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	8.494.287.054	8.494.287.054
Số dư cuối kỳ trước	<u>150.713.370.000</u>	<u>15.557.011.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>28.301.633.961</u>	<u>9.481.840.485</u>	<u>203.736.731.895</u>
Số dư đầu năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	20.158.636.930	214.413.528.340
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	10.690.911.938	10.690.911.938
Số dư cuối kỳ này	<u>150.713.370.000</u>	<u>15.557.011.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>28.301.633.961</u>	<u>30.849.548.868</u>	<u>225.104.440.278</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Trần Quang Huy	24,6%	37.044.460.000	24,6%	37.044.460.000
Ông Nguyễn Đức Hiếu	20,0%	30.116.940.000	20,0%	30.116.940.000
Ông Phạm Bích Ngà	9,4%	14.170.000.000	9,4%	14.170.000.000
Các cổ đông khác	45,9%	69.194.750.000	45,9%	69.194.750.000
Cổ phiếu quỹ	0,1%	187.220.000	0,1%	187.220.000
	100%	150.713.370.000	100%	150.713.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.713.370.000	150.713.370.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>150.713.370.000</u>	<u>150.713.370.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>150.713.370.000</u>	<u>150.713.370.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	208.513.647	12.261.406.047
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(12.030.868.800)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(12.030.868.800)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>208.513.647</u>	<u>230.537.247</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.071.337	15.071.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>15.071.337</u>	<u>15.071.337</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	18.722	18.722
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>18.722</u>	<u>18.722</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.052.615	15.052.615
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>15.052.615</u>	<u>15.052.615</u>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.301.633.961	28.301.633.961
	28.301.633.961	28.301.633.961

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m². Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Ngoại tệ các loại		<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)		645,47	-
- Đồng Euro (EUR)		-	5.869,00
- Đồng đô la Úc (AUD)		-	412,31
c) Nợ khó đòi đã xử lý		<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
		VND	VND
		637.100.347	637.100.347
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		<u>2021</u>	<u>2020</u>
		VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm		140.061.283.370	111.025.715.588
Doanh thu bán hàng hóa		19.577.609.358	363.788.728.236
Doanh thu cung cấp dịch vụ		25.598.018.653	17.101.559.985
		<u>185.236.911.381</u>	<u>491.916.003.809</u>
19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		<u>2021</u>	<u>2020</u>
		VND	VND
Hàng bán bị trả lại		78.616.066	1.251.411.270
		<u>78.616.066</u>	<u>1.251.411.270</u>
20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		<u>2021</u>	<u>2020</u>
		VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán		117.907.288.364	96.529.719.033
Giá vốn của hàng hóa đã bán		19.840.763.166	362.489.018.596
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		18.826.913.193	13.729.177.001
		<u>156.574.964.723</u>	<u>472.747.914.630</u>
21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi		1.804.886.278	2.959.422.904
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		-	3.820.806.852
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		55.456.372	187.166.883
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		10.664.208	-
		<u>1.871.006.858</u>	<u>6.967.396.639</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.631.024.081	7.224.498.926
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	702.467	84.221.819
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	65.064.276
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(438.682.000)	819.991.800
	2.193.044.548	8.193.776.821

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.348.591.251	2.882.179.251
Chi phí nhân công	1.857.132.952	533.397.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.734.616	148.067.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.525.812.552	2.181.098.703
Chi phí khác bằng tiền	328.545.009	2.646.864
	7.186.816.380	5.747.389.832

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.510.194	112.072.267
Chi phí nhân công	4.920.035.967	5.349.627.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.384.270	98.289.182
Thuế, phí, lệ phí	639.338.378	3.283.486.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.038.853.663	609.552.813
Chi phí khác bằng tiền	1.478.863.758	2.255.240.799
	8.433.986.230	11.708.269.157

25 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	109.090.909	-
Tiền thu hồi từ vụ kiện Công ty 3A theo phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	876.896.925	11.548.548.995
Khoản phạt do giao hàng sai hạn	-	900.000.000
Thu nhập khác	31.401.323	222.588.033
	1.017.389.157	12.671.137.028

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

26 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Phí dịch vụ pháp lý của vụ kiện 3A	237.764.875	1.005.278.077
Chi phí khác	56.474.652	282.638.871
	294.239.527	1.287.916.948

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.363.639.922	10.617.858.818
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.363.639.922	10.617.858.818
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.672.727.984	2.123.571.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.876.551.502	285.032.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.876.551.502)	(285.032.539)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.672.727.984	2.123.571.764

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.690.911.938	8.494.287.054
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.690.911.938	8.494.287.054
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	710	564

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.439.586.528	86.731.588.791
Chi phí nhân công	26.946.587.905	21.551.524.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.316.847.337	8.065.289.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.158.186.149	7.285.080.823
Chi phí khác bằng tiền	6.493.796.248	4.593.062.738
	152.355.004.167	128.226.545.813

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Đầu tư dài hạn	-	1.972.000.000	-	1.972.000.000
	<u>-</u>	<u>1.972.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.972.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	1.972.000.000	-	1.972.000.000
	<u>-</u>	<u>1.972.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.972.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.852.484.027	-	-	21.852.484.027
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.866.504.196	5.250.000	-	73.871.754.196
Các khoản cho vay	22.200.000.000	-	-	22.200.000.000
	117.918.988.223	5.250.000	-	117.924.238.223
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.845.957.638	-	-	54.845.957.638
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.402.097.382	5.250.000	-	81.407.347.382
Các khoản cho vay	71.000.000.000	-	-	71.000.000.000
	207.248.055.020	5.250.000	-	207.253.305.020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	46.240.068.542	-	-	46.240.068.542
Phải trả người bán, phải trả khác	35.294.973.523	-	-	35.294.973.523
Chi phí phải trả	723.903.819	-	-	723.903.819
	82.258.945.884	-	-	82.258.945.884
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	102.162.370.439	-	-	102.162.370.439
Phải trả người bán, phải trả khác	38.856.366.783	-	-	38.856.366.783
Chi phí phải trả	1.160.526.117	-	-	1.160.526.117
	142.179.263.339	-	-	142.179.263.339

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty như sau:

Chức danh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	60.000.000	60.000.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	40.000.000	40.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	40.000.000	-
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	308.710.000	285.583.601
Ông Nguyễn Hòa Hiệp	168.922.800	170.308.300

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.




Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021